

NHU CẦU TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, LIÊN KẾT KHU VỰC ĐÔNG - NAM Á VÀ ĐÔNG Á

TRẦN BÁ KHOA

1 - Xu hướng thông tin hóa và toàn cầu hóa tiếp tục phát triển rộng lớn và sâu sắc hơn

Trong những năm tới, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và việc phổ cập In-tơ-nét sẽ thúc đẩy sự phát triển một cách sâu rộng tiến trình thông tin hóa và toàn cầu hóa. Công nghệ thông tin và xu thế thông tin hóa toàn xã hội, kinh tế, quân sự... là một trong những nội dung chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới. Công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ na-nô sắp tới sẽ có bước phát triển kỳ diệu. Sự phổ cập các nội dung của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới mang tính toàn diện song có trọng điểm, đang từ các nước phát triển lan tỏa sang các nước đang phát triển. Đây là thời cơ vàng để các nước chậm chân "đi tắt, đón đầu", đẩy nhanh sự phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế, văn hóa, xã hội, đuổi kịp và san bằng khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới và xu thế toàn cầu hóa, sự cạnh tranh giữa các quốc gia trở nên quyết liệt hơn, theo hướng: ai có khả năng nắm bắt được thông tin nhanh chóng, kịp thời, tạo ra, xử lý và áp dụng tốt nguồn thông tin, người đó sẽ chiến thắng cả trong kinh doanh lẫn quân sự. Sự giao lưu các nguồn vốn, tài nguyên, nhân lực, thông tin và công nghệ sẽ diễn ra náo nhiệt trên toàn

cầu. Ngày càng có thêm nhiều công ty xuyên quốc gia trở thành trụ cột của nền kinh tế thế giới. Hầu hết các nước đều bị lôi cuốn và ràng buộc vào hệ thống kinh tế thế giới.

2 - Quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa diễn ra song song, đồng thời và phát triển với nhịp độ nhanh hơn trước

Sau khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, thế giới đang chuyển biến mạnh mẽ theo hướng toàn cầu hóa. Quá trình toàn cầu hóa đang tạo ra thời cơ cho phát triển cũng như thách thức cho nhiều nước, làm nảy sinh nhiều vấn đề; khoảng cách giàu nghèo trên lĩnh vực của cải và khoa học - công nghệ đang tăng rất mạnh. Hiện nay, 85% thu nhập toàn cầu nằm trong tay 18% dân số thế giới (1). Theo Báo cáo của Ngân hàng thế giới (8-2002): "Viễn cảnh sự phát triển của thế giới năm 2003", khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các nước giàu và các nước nghèo đã tăng gấp đôi trong 40 năm qua. Thu nhập bình quân của 20 nước giàu nhất thế giới gấp 37 lần so với 20 nước nghèo nhất thế giới.

Sự tăng tốc của xu thế toàn cầu hóa cũng đã thúc đẩy xu hướng khu vực hóa trên thế giới. Để ứng phó với mặt trái của toàn cầu hóa và đủ sức cạnh tranh với các cường quốc kinh tế, các liên minh kinh tế với không gian kinh tế rộng

(1) Tài liệu tham khảo đặc biệt, Thông tấn xã Việt Nam, 11-1-2002

lớn, các quốc gia, dân tộc đã chủ động hơn trong việc tìm kiếm sự liên kết, hợp tác khu vực về kinh tế, chính trị và an ninh. Ngày nay đã có 184 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó trên một nửa diễn ra từ nửa sau những năm 90 (thế kỷ XX), đang được thực thi khắp thế giới (theo Tạp chí *Japan Echo*, 3-2004). Theo ý kiến của nhiều nhà kinh tế, triển vọng sẽ có 4 khu vực kinh tế tự do lớn là EU mở rộng, NAFTA mở rộng, Đông Á, Trung Đông - châu Phi, đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế toàn cầu.

Như vậy, từ những năm 80 (thế kỷ XX) đến nay, quá trình khu vực hóa - nổi bật là FTA, được bắt đầu từ những năm 50 của thế kỷ XX - đã phát triển nhanh chóng. Sự phát triển của khu vực hóa đã phản ánh nhu cầu đa dạng hóa mô hình phát triển của thế giới hiện nay.

Tuy nhiên, xu hướng phát triển của kinh tế thế giới đã có nhiều biến đổi, cả về chất lượng và công nghệ, và sẽ không còn có được sự tăng trưởng một cách bùng nổ liên tục như các thập niên trước.

Một mặt, các nền kinh tế Mỹ, Nhật Bản và châu Âu đã chuyển sang giai đoạn chủ yếu dựa vào tri thức, trong đó mức tăng trưởng chủ yếu phụ thuộc vào tiến bộ của khoa học - công nghệ. Kết quả là tốc độ phát triển và quy mô của nền kinh tế thế giới sẽ bị hãm bớt lại. Mặt khác, nền kinh tế thế giới vẫn tiếp tục mở rộng và khối lượng mậu dịch trên thế giới vẫn gia tăng mạnh mẽ. Nền kinh tế của các nước đang phát triển trong giai đoạn phát triển cả về bề rộng và chiều sâu. Kinh tế của một số nước như Trung Quốc, Ấn Độ... tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao, trở thành đầu tàu, động lực của nền kinh tế thế giới.

Tại Đông Á, đội hình phát triển tuần tự "Đàn nhạn bay" do Nhật Bản dẫn đầu đang bị Trung Quốc và tiếp sau là Ấn Độ phá vỡ. Hai nước này đang chạy đua và cạnh tranh với Nhật Bản, nước có nền kinh tế bị trì trệ, suy

thoái nặng nề và cải cách cơ cấu chậm chạp trong thập niên qua.

Tình hình tại nhiều khu vực sẽ không ổn định và khó tiên lượng, các biến động chính trị kinh tế, tài chính tiền tệ sẽ xảy ra đột ngột và những điểm nóng sẽ thay đổi mau lẹ ở các khu vực khác nhau.

Mỹ tuy là siêu cường độc tôn, chưa có đối thủ chiến lược ngang tầm, nhưng tiếp tục bị sa lầy ở I-rắc và bị kẹt vào nhiều cuộc khủng hoảng khác, chưa thấy ngày kết thúc. Pháp, Đức và các nước phương Tây không muốn chiến tranh I-rắc bị thất bại, nhưng họ cũng không nhảy vào đỡ đòn cho Mỹ. Uy thế bị suy giảm buộc Mỹ phải điều chỉnh có mức độ chính sách đối ngoại, tỏ ra linh hoạt hơn. Nhiều nước có thời cơ độc lập hành động hơn.

3 - Khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu địa - chính trị toàn cầu

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và nhất là Đông Á nói riêng đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới trong 4 thập niên qua. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình thời gian 1986 - 1995 của Trung Quốc là 9,9%, Ấn Độ là 5,7%, Mỹ là 2,9%, châu Á đang phát triển là 7,7%, thế giới là 3,7%, châu Phi là 1,9% và Mỹ La-tinh là 2,8%. Thời gian từ 1995 - 2005, các số liệu tương ứng trên là 8,2%, 5,9%, 6,6%, 3,8%, 3,9%, và 2,6% (theo W.E.O - IMF, 9-2004). Trong tương lai gần, sức mạnh kết hợp lại của các nền kinh tế Đông Á sẽ vượt qua bất cứ một khu vực nào của thế giới. Theo số liệu của Liên hợp quốc, hiện nay Đông Á chiếm 23% GDP thế giới (cao hơn 19,9% của EU 15), chỉ đứng sau Mỹ (32%), nhưng tính theo sức mua tương đương thì hơn Mỹ (Mỹ 21,1% còn Đông Á - Thái Bình Dương 28,8%), và hơn khối NAFTA (24,6%).

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tập trung các lực lượng chiến lược của thế giới, bao

gồm 5 trong số 7 quốc gia có vũ khí hạt nhân, nơi có 2 cường quốc đang nổi lên là Trung Quốc và Ấn Độ, cùng với Nhật Bản, Mỹ, Nga, ASEAN là 6 cực của khu vực và thế giới, và là nơi có các nước xã hội chủ nghĩa chủ chốt. Châu Á - Thái Bình Dương (không tính Mỹ) có GDP là 8.264 tỉ USD, chiếm 27,4% GDP thế giới, so với Mỹ 10.416 tỉ USD chiếm 32% GDP thế giới (2002). Nếu tính theo sức mua tương đương, GDP châu Á - Thái Bình Dương (2003) chiếm 38% GDP thế giới, còn Mỹ chỉ chiếm 21,1% (riêng Trung Quốc 12,6% và EU15 = 19,9%, Ấn Độ 5,7%). Đáng chú ý là GDP Trung Quốc, tính theo giá hối đoái chính thức, đứng thứ bảy thế giới (2003), nhưng nếu tính theo sức mua tương đương thì đứng thứ 2 thế giới, chỉ sau Mỹ (2003). Theo nhiều dự báo, GDP theo giá hối đoái chính thức của Trung Quốc trong vòng vài năm nữa sẽ vượt Anh, Pháp và sau đó là Đức. Đồng nhân dân tệ sẽ dần dần nổi lên, sánh ngang với đồng yên của Nhật Bản ở Đông Á. Vào năm 2020, GDP Trung Quốc sẽ vượt Mỹ theo giá sức mua tương đương và vào giữa thế kỷ XXI, sẽ vượt Mỹ tính theo giá hối đoái. GDP của Ấn Độ, theo giá hối đoái đứng thứ 12 và theo giá sức mua tương đương đứng thứ tư thế giới (2003) (2).

Sự nổi lên nhanh chóng của Ấn Độ và Trung Quốc không chỉ làm thay đổi đáng kể cơ cấu địa - chính trị của khu vực mà còn tác động mạnh đến cơ cấu địa - chính trị trên phạm vi thế giới.

Liên bang Nga đã xem châu Á - Thái Bình Dương là một bộ phận trong chiến lược địa - chính trị của mình, do đó đã tăng cường quan hệ với Trung Quốc, Ấn Độ và cải thiện quan hệ với Nhật Bản. Bằng cách này, Nga sẽ giảm bớt được sức ép từ phía Mỹ, châu Âu và tăng cường lợi thế đối thoại với Mỹ, Âu. Trung Quốc cũng ra sức xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Nga, Ấn Độ, ASEAN, Pháp, Đức và cải thiện quan hệ với Nhật Bản, Anh,

nhằm tạo ra trục đối trọng với siêu cường duy nhất còn lại, giành giật thị trường và tài nguyên quý hiếm, nhất là dầu khí từ Nga, Ca-dắc-xtan, Trung Đông với Mỹ và Nhật Bản.

Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nam Tư bị giải thể, NATO và EU mở rộng sang phía Đông, châu Âu đi vào thời kỳ hòa bình, phát triển. Trong khi đó tại châu Á, tình hình hiện tại tương đối hòa bình, ổn định, nhưng về lâu dài, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột, đe dọa nghiêm trọng lợi ích chiến lược toàn cầu của Mỹ. Trước tình thế đó, Mỹ đã dần chuyển hướng trọng điểm chiến lược sang châu Á, trước mắt điều chỉnh cơ cấu lực lượng chiến lược trên toàn cầu, ưu tiên tập trung lực lượng tiến công chủ nghĩa khủng bố, và về lâu dài, chuẩn bị thực lực hùng hậu để đối phó với các cường quốc mới trỗi dậy, muốn giành giật địa vị siêu cường độc tôn của Mỹ.

4 - Tại châu Á - Thái Bình Dương, kinh tế Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc, ASEAN bổ sung và cạnh tranh lẫn nhau. Đặc biệt, sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức cho sự hội nhập và hợp tác khu vực

Mỹ, không những đóng vai trò quan trọng trên thế giới mà cả ở châu Á - Thái Bình Dương, trong thời gian tới tiếp tục là thị trường rộng lớn, nguồn cung cấp vốn, đầu tư... đối với các nước trong khu vực. Mặt khác, Mỹ thường viện cớ chống "bán phá giá" để áp dụng nhiều biện pháp trừng phạt, gây nhiều rủi ro, tổn thất lớn cho các nước đang phát triển.

Nhật Bản là nền kinh tế phát triển thứ hai thế giới, là nước cung cấp viện trợ và đầu tư nhiều nhất cho ASEAN, tuy gần đây vai trò này đã giảm bớt, Nhật Bản cũng là nước sản xuất và xuất khẩu các tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng cao cấp (công nghệ cao), rất cần thiết

(2) *Viễn cảnh kinh tế thế giới - World Economic Outlook* (WB, 7-2004; IMF, 9-2004)

cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các nước ASEAN. Nhật Bản tiếp tục là thị trường xuất khẩu và là nguồn viện trợ phát triển, đầu tư lớn cho các nước Đông - Nam Á.

Trung Quốc là công xưởng sản xuất khổng lồ của thế giới và là thị trường to lớn với 1,3 tỉ dân, giao lưu các hàng hóa vừa công nghệ cao, vừa công nghệ thấp, sức cạnh tranh dồi dào. Do kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh, nên nhu cầu nhập khẩu lớn. Trong năm 2003, xuất khẩu từ các nước Đông - Nam Á sang Trung Quốc tăng 59,1% và chiếm 6,4% xuất khẩu của tiểu khu vực.

ASEAN tuy kinh tế phát triển không đồng đều, nhưng là lực lượng đang lên, đứng ở "trung tâm" cầu nối, cân bằng với các nước lớn, ngày càng được các nước lớn và các nước ngoài khu vực xem như tổ chức trung gian, là cơ chế dẫn dắt và là động lực thúc đẩy hợp tác an ninh và hợp tác kinh tế của cả châu Á - Thái Bình Dương. Sau cơn khủng hoảng tài chính - tiền tệ (1997 - 1998) kinh tế các nước ASEAN tuy đã căn bản hồi phục, nhưng vẫn chưa bằng mức trước khủng hoảng (1996). Khu vực ASEAN có số dân 500 triệu người, diện tích 4,5 triệu km² và GDP 868,276 tỉ USD; tổng doanh số ngoại thương là 789,71 tỉ USD và tổng số đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ASEAN là 326,4 tỉ USD (2003) ⁽³⁾. Theo nhiều dự báo, đến năm 2020, Ma-lai-xi-a và Thái Lan sẽ trở thành nước phát triển. Do sự phát triển của Quảng Châu và Thượng Hải (Trung Quốc), vai trò của Hồng Kông ngày càng mờ nhạt. Do kinh tế Đài Loan hội nhập rộng lớn vào lục địa Trung Quốc, nên vai trò của Đài Loan sẽ giảm bớt. Nếu kênh đào Kra ở miền nam Thái Lan được xây dựng thì vai trò thành phố cảng trung chuyển của Xin-ga-po sẽ bị giảm dần, buộc nước này phải hòa nhập sâu sắc vào Ma-lai-xi-a và các nước Đông - Nam Á khác. Thái Lan sẽ có vai trò lớn hơn trong khu vực.

5 - Thời cơ, thách thức và triển vọng hợp tác, liên kết Đông - Nam Á và Đông Á

Đông Á vừa qua đã chậm chân trong việc chấp nhận chủ nghĩa khu vực. Ngoài một số thỏa thuận đã được ký kết giữa các nước ASEAN dưới dạng FTA, trên thực tế chưa hề có FTA ở Đông - Bắc Á và toàn Đông Á. Sự chậm trễ có nguyên nhân từ những mối nghi kỵ mang tính chính trị, thâm căn cố đế, do lịch sử để lại, giữa một số nước; chủ nghĩa dân tộc truyền thống của nhà nước quốc gia - dân tộc, vật cản trên con đường liên kết khu vực; Hàn Quốc và Nhật Bản do những vấn đề nhạy cảm về chính trị trong nước, không muốn mở cửa khu vực nông nghiệp (đến tháng 12-1999, Nhật Bản mới đồng ý thương lượng về một FTA với Xin-ga-po và Hiệp định quan hệ đối tác kinh tế Nhật Bản - Xin-ga-po (JSEPA), được ký tháng 12-2002, đã trở thành FTA đầu tiên của Nhật Bản); và những khác biệt về trình độ phát triển, cơ cấu kinh tế giữa các nước trong khu vực. Ngoài ra, giữa nhiều nước còn có tranh chấp về lãnh thổ biên giới, hải đảo vùng biển... và Trung Quốc, Nhật Bản - hai cường quốc đóng vai trò to lớn trong việc xúc tiến hợp tác khu vực - vẫn chưa khắc phục được tình trạng quan hệ "nóng về kinh tế, lạnh về chính trị". Tuy nhiên, trong 3 - 4 năm qua, nhiều diễn biến đã buộc các nước Đông Á phải xem lại các chính sách của họ và những giá trị của việc mở rộng thương mại. Những diễn biến đó là: 1 - Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997 - 1998 đầy rủi ro, lây lan nhanh chóng, mang tính khu vực và toàn cầu; 2 - Sự phát triển nhanh chóng của các FTA tại các khu vực khác của thế giới; 3 - Sự bấp bênh và chậm chạp của vòng thương lượng (WTO) Đô-ha, trong bối cảnh ngoại thương của khu vực Đông Á phát triển vào loại nhanh nhất thế giới.

(3) Thông cáo báo chí của Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 36 (Overview ASEAN, Press statement, 36th ASEAN Economic Ministers Meeting, 5-9-2004)

Từ năm 1990 đến năm 2000, xuất khẩu của Trung Quốc tăng trung bình 11% một năm và nhập khẩu tăng trung bình 15% một năm. Năm 2003, số liệu trên là 19% và 20%. Khoảng thời gian trên (1990 - 2000), xuất khẩu của 6 nền kinh tế Đông Á: Đài Loan, Hồng Kông, Xin-ga-po, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a và Thái Lan tăng 9% một năm (mức tăng trung bình của thế giới là 6%) và nhập khẩu của 6 nước trên tăng 8% một năm (thế giới là 6%). Sự chuyển biến rõ rệt của các nước Đông Á về ý thức hợp tác kinh tế, chính trị, an ninh, trong phạm vi Đông - Nam Á và toàn Đông Á, được thể hiện rõ nét trong mấy năm qua. Đặc biệt, sau khi gia nhập WTO (11-2001), Trung Quốc tỏ ra hăng hái nhất; còn rụt rè là Nhật Bản. Để xóa tan luận điệu "mối đe dọa Trung Quốc" - cả về quân sự và kinh tế - với chính sách đối ngoại "hòa hợp với láng giềng, ổn định cùng láng giềng, làm giàu cùng láng giềng", "trỗi dậy" bằng hòa bình, Trung Quốc đang phát triển quan hệ láng giềng hợp tác hữu nghị với các nước xung quanh và đẩy mạnh chính sách ngoại giao kinh tế, chủ động đề xuất các sáng kiến thiết lập FTA với ASEAN (ký kết tháng 11-2002) và sẵn sàng nghiên cứu ký kết FTA với Nhật Bản và Hàn Quốc. Để cạnh tranh, Nhật Bản, Mỹ, Ấn Độ, và mới đây EU ở mức thấp hơn, cũng đã lần lượt đưa ra sáng kiến tương tự với ASEAN và nhiều nước khác. Trung Quốc và Nhật Bản đã ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với ASEAN. Ấn Độ và Liên bang Nga cũng đã tuyên bố sẽ tham gia Hiệp ước này. Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN ở Ba-li (10-2003) đã quyết định thiết lập Cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột: an ninh, kinh tế và văn hóa - xã hội vào năm 2020. Hội nghị Cấp cao ASEAN + 3 (10-2003, ở Ba-li) và Hội nghị Cấp cao Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc vào dịp này đã quyết định tăng cường hợp tác với ASEAN và triển khai hợp tác giữa Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, thương mại, đầu tư, tiền tệ, an

ninh... Tại cuộc họp ở Ba-li, các nhà lãnh đạo trong khu vực đã thảo luận sôi nổi nhiều vấn đề rộng lớn, tìm kiếm biện pháp và khuôn khổ hợp tác vì sự phát triển và phồn vinh chung trong khu vực. Họ cũng đã bày tỏ ý định triển khai nghiên cứu thiết lập Cộng đồng kinh tế Đông Á vào năm 2020. Đây là một thị trường khổng lồ với 1,9 tỉ người, khối lượng mậu dịch lên đến 2.500 tỉ USD. Tại Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 36 tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a), từ ngày 3 đến 5-9-2004, các nước ASEAN, một lần nữa đã đạt được thỏa thuận về thời gian tự do hóa sớm hơn dự kiến: 10 trong số 11 khu vực ưu tiên vào năm 2007 đối với 6 thành viên cũ (Thái Lan, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin và Bru-nây), và vào năm 2012 đối với 4 thành viên mới (Lào, Cam-pu-chia, My-an-ma và Việt Nam). Các thỏa thuận đạt được ở Hội nghị này đã được trình lên Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN tại Viên Chăn (Lào) vào tháng 11-2004, và đã được Hội nghị thông qua.

Trước bối cảnh tình hình thế giới đang chuyển mạnh sang kỷ nguyên toàn cầu hóa kinh tế, thông tin hóa và xã hội hóa tri thức, các nước trong khu vực đã tìm ra khuôn khổ hợp tác, lộ trình và mục tiêu thiết lập Cộng đồng Đông - Nam Á, như Tầm nhìn ASEAN 2020 và Cộng đồng Kinh tế Đông Á. Đây là cột mốc đánh dấu một bước phát triển quan trọng của ASEAN và triển vọng hợp tác Đông Á. Trước mắt, bên cạnh thuận lợi còn có nhiều khó khăn, thách thức trong việc biến ý tưởng, tầm nhìn, lộ trình và mục tiêu thành hiện thực. Nhưng trong thời gian tới, với ý chí và quyết tâm cao của lãnh đạo và nhân dân; với đà tăng trưởng kinh tế liên tục và sự gia tăng giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội; cùng với sự tin cậy lẫn nhau giữa các nước trong khu vực được gia tăng, hợp tác Đông Á sẽ rộng lớn hơn và sâu sắc hơn, tiến trình liên kết, trước hết ở Đông - Nam Á rồi toàn Đông Á, sẽ được đẩy mạnh. □